

Bản án số: 634/2024/DS-PT

Ngày 14/8/2024

V/v “Tranh chấp quyền sử dụng đất và tài sản”.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Văn Ý

Các Thẩm phán: Ông Phạm Văn Công

Ông Vương Minh T

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Thu Phương - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Gia Viễn - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 279/DS-PT ngày 15 tháng 4 năm 2024, về việc: “Tranh chấp quyền sử dụng đất và tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 09/2023/DS-ST ngày 14 tháng 4 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Trà V bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 2343/QĐPT, ngày 30 tháng 7 năm 2024, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà Hồng Ngọc Ng, sinh năm 1938; cư trú tại: Số 32 Võ Thị S, Khóm 3, Phường 3, thành phố Trà V, tỉnh Trà V; vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Trần Thanh T, sinh năm 1966; cư trú tại: Số 56/36, Khóm 3, Phường 4, thành phố Trà V, tỉnh Trà V (theo văn bản ủy quyền ngày 12/9/2017); có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Truyền Th là Luật sư của Công ty luật TNHH MTV Truyền Th thuộc Đoàn luật sư tỉnh Trà V; có mặt.

- Bị đơn:

1. Ông Huỳnh Thanh G, sinh năm 1943; cư trú tại: Số 10 đường Lê L, Khóm 1, Phường 1, thành phố Trà V, tỉnh Trà V; vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của ông G: Bà Huỳnh Thị Hương Th, sinh năm 1972; cư trú tại: 181 khu phố 4, phường An Phú Đ, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh (theo văn bản ủy quyền ngày 11/12/2012); có mặt.

Ông Huỳnh Trí Đ, sinh năm 1969; cư trú tại: Số 10 đường Lê L, Khóm 1, Phường 1, thành phố Trà V, tỉnh Trà V (theo văn bản ủy quyền ngày 22/01/2013); có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Huỳnh Thanh G: Ông Nguyễn Thanh H là Luật sư của Văn phòng luật sư Thanh Huy, thuộc Đoàn luật sư tỉnh Trà V; có mặt.

2. Ông Huỳnh Tấn Ph, sinh năm 1975; cư trú tại: Khóm 1, Phường 9, thành phố Trà V, tỉnh Trà V; vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Trương Thị Thanh X, sinh năm 1946; cư trú tại: Số 10 đường Lê L, Khóm 1, Phường 1, thành phố Trà V, tỉnh Trà V; vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của bà X: Ông Huỳnh Trí Đ, sinh năm 1969; cư trú tại: Số 10 đường Lê L, Khóm 1, Phường 1, thành phố Trà V, tỉnh Trà V (theo văn bản ủy quyền ngày 22/01/2013); có mặt.

2. Ông Huỳnh Trí Đ, sinh năm 1969; cư trú tại: Số 10 đường Lê L, Khóm 1, Phường 1, thành phố Trà V, tỉnh Trà V; có mặt..

3. Bà Huỳnh Thị Hương Th, sinh năm 1972; cư trú tại: Số 181, đường An Phú Đ, khu phố 4, phường An Phú Đ, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh; có mặt.

4. Ông Huỳnh Văn T, sinh năm 1950; cư trú tại: Khóm 1, Phường 9, thành phố Trà V, tỉnh Trà V; vắng mặt.

5. Bà Nguyễn Thị Thùy L, sinh năm 1974; cư trú tại: Số 10 đường Lê L, Khóm 1, Phường 1, thành phố Trà V, tỉnh Trà V; vắng mặt.

6. Bà Huỳnh Thị Bé H, sinh năm 1975; cư trú tại: JOSEF SIMON STR 97 90473 NUERNBERG GERMANY; vắng mặt.

7. Bà Huỳnh Thị Th, sinh năm 1979; cư trú tại: 406A đường Phạm Ngũ L, Khóm 4, Phường 1, thành phố Trà V, tỉnh Trà V; vắng mặt.

8. Ủy ban nhân dân thành phố Trà V, tỉnh Trà V.

Người đại diện hợp pháp theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn N, chức vụ Chủ tịch UBND thành phố Trà V; có đơn vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền: Ông Dương Ngọc Vân T; Chức vụ: Phó phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố Trà V; vắng mặt.

- Người kháng cáo: Bà Nguyễn Ngọc Ng là nguyên đơn; ông Huỳnh Thanh G và ông Huỳnh Tấn Ph là bị đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 24 tháng 12 năm 2014 nguyên đơn bà Hồng Ngọc Ng trình bày:

Ngày 18/5/2012 bà có nhận chuyển nhượng của ông Huỳnh Tấn Ph và bà Lê Thị Thùy L căn nhà và đất ở thuộc thửa số 16, tờ bản đồ số 30 diện tích 506,2m², tọa lạc tại Khóm 1, Phường 1, thành phố Trà V, tỉnh Trà V, trên diện tích đất có 01 căn nhà cư trú tại: Số 10, Lê L, Khóm 1, Phường 1, thành phố Trà V, tỉnh Trà V, diện tích xây dựng 90,7m² diện tích sàn 182,1m² với giá 3.500.000.000 đồng. Bà đã giao tiền cho ông Huỳnh Tấn Ph, bà Nguyễn Thị Thùy L, ông Huỳnh Văn T số tiền là 3.100.000.000 đồng. Hai bên thỏa thuận ông Ph có nghĩa vụ giao nhà sau 02 tháng kể từ khi ký hợp đồng nhưng đến nay ông Ph không thực hiện như hợp đồng.

Nay bà Ng yêu cầu ông Huỳnh Tấn Ph, bà Nguyễn Thị Thùy L, ông Huỳnh Văn T phải hoàn tất hợp đồng và giao nhà và đất cho bà sử dụng và yêu cầu ông Ph, bà L, ông T phải chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại do chậm thực hiện hợp đồng số tiền bằng 2.610.613.338 đồng. Đồng thời yêu cầu Tòa án chấp nhận yêu cầu của ông Huỳnh Tấn Ph buộc hộ ông Huỳnh Thanh G, bà Trương Thị Thanh X, ông Huỳnh Trí Đ, bà Huỳnh Thị Hương Th di dời toàn bộ tài sản trên đất để trả lại cho bà căn nhà số 10 đường Lê L và diện tích đất 506,2m² thuộc thửa số 16 tờ bản đồ số 30, đất tọa lạc tại Khóm 1, Phường 1, thành phố Trà V, tỉnh Trà V.

Bị đơn ông Huỳnh Tấn Ph trình bày:

Nguồn gốc diện tích đất 506,2m² thuộc thửa số 16, tờ bản đồ số 30, tọa lạc tại Khóm 1, Phường 1, thành phố Trà V, tỉnh Trà V và căn nhà số 10 gắn liền với đất là của bà Huỳnh Thị B để lại cho bà Huỳnh Thị Bé H. Ngày 18/4/2012 ông có nhận chuyển nhượng từ bà Huỳnh Thị Bé H nhà và đất nói trên với giá là 3.000.000.000 đồng. Khi làm hợp đồng bà H không có nói về việc gia đình ông G ở trên đất. Ngày 17/5/2012 ông được UBND thành phố Trà V cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BH 478000. Tuy nhiên, căn nhà số 10 lúc đó do ông Huỳnh Thanh G quản lý (do hộ ông G ở nhờ trên đất) sau đó ông có đến căn nhà số 10 và yêu cầu ông G giao lại căn nhà thì ông G né tránh không chịu giao nhà. Ngày 17/8/2012 ông có làm đơn yêu cầu UBND Phường 1 giải quyết thì bà Huỳnh Thị Hương Th là người đại diện theo ủy quyền của ông Huỳnh Thanh G yêu cầu ông Huỳnh Tấn Ph phải trả cho ông G 199,2m² trong tổng diện tích 506,2m² và tiền sửa chữa căn nhà là 200.000.000 đồng và công sức gìn giữ căn nhà 1.000.000.000 đồng ông Ph không đồng ý.

Ngày 22/11/2012 ông Huỳnh Tấn Ph khởi kiện tại Tòa án thành phố Trà V, tỉnh Trà V yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Huỳnh Thanh G, bà Trương Thị Thanh X, ông Huỳnh Trí Đ, bà Huỳnh Thị Hương Th phải di dời tài sản gồm 11 phòng trọ, 01 căn nhà cấp 4, trên diện tích đất thửa số 16, tờ bản đồ số 30 để giao lại cho ông căn nhà số 10, đường Lê L và diện tích đất 506,2m². Nếu không di dời thì ông đồng ý mua lại toàn bộ tài sản trên đất của ông G với giá là 300.000.000 đồng, ông không đồng ý trả diện tích đất 199,2m², thửa đất số 16, tờ bản đồ số 30 và tiền công gìn giữ tài sản và tiền tu sửa nhà theo yêu cầu của ông G. Ngày

24/7/2018 Tòa án ra quyết định số 13/2018/QĐST-DS đình chỉ giải quyết yêu cầu khởi kiện của ông Huỳnh Tấn Ph do ông Ph thuộc trường hợp không có quyền khởi kiện.

Bị đơn ông Huỳnh Thanh G trình bày:

Nguồn gốc đất là của cha mẹ là cụ Huỳnh Chuỗi K (1901-1979) và cụ Nguyễn Thị Ngh (1910 -1973) mua của ông Thạch Ch vào năm 1963 sau đó ông K và bà Nghiêm để lại cho bà Huỳnh Thị B đại diện đứng tên diện tích đất 307m², phần còn lại ông quản lý sử dụng, tháng 3 năm 1964 cha mẹ của ông xây dựng lên ngôi nhà số 10 đường Lê L. Sau đó (ông không nhớ rõ năm nào) ông xây nhà và xây dựng 10 phòng trọ trên đất được cha mẹ cho, lúc đó bà B còn sống và biết nhưng không ngăn cản. Trong quá trình sinh sống ông có khai hoang một cái mương bên cạnh nhà mở rộng diện tích đất do cha mẹ để lại và mua của ông Lê Văn Quới 66m², ông G có trồng cây và cất một cái quán nước trên đất diện tích 199,2m². Cha ông để lại di chúc viết tay và di huấn với các con cháu mảnh đất 307m² là nhà và đất thổ quả, xây dựng ngôi nhà thờ tổ tiên, con cháu ở ngôi nhà này thờ phụng ông bà cha mẹ, nhà này không được phép sang bán, chuyển nhượng, còn phần 199,2m² thì cha ông để lại cho ông. Khi nhà nước có chính sách đo đạc đất thì ông không có tách ra đăng ký riêng mà để cho bà Huỳnh Thị B đăng ký luôn phần diện tích đất ông đã khai hoang và trong quá trình sử dụng đất ông cũng không có K khai đăng ký đất. Trước khi cụ K và cụ Nghiêm chết để lại di chúc căn nhà và diện tích đất 307m² cho bà B làm nhà thờ, phần đất còn lại ông quản lý sử dụng. Năm 1999 bà B hủy đi di chúc do cha mẹ ông để lại mà tự ý lập di chúc để lại toàn bộ diện tích đất 506,2m² thừa số 16 cho con nuôi của bà B là Huỳnh Thị Bé H, sinh năm 1975 cư trú ở Đ đứng tên.

Năm 2005 bà Huỳnh Thị B chết ông tiếp tục quản lý nhà đất và đóng thuế, đến tháng 5/2012 ông mới biết căn nhà và đất đã bị bà Huỳnh Thị Bé H chuyển nhượng lại cho ông Huỳnh Tấn Ph, bà H và ông Ph không có bàn bạc gì với ông, sau đó ông Ph lại chuyển nhượng cho bà Hồng Ngọc Ng. Toàn bộ quá trình chuyển nhượng giữa các bên ông G hoàn toàn không biết, mặc dù ông và các thành viên trong gia đình đang trực tiếp ở trong căn nhà và diện tích đất từ năm 1969 đến nay. Trong quá trình sử dụng ông G đã nhiều lần đi tu sửa chữa căn nhà trên phần diện tích đất 307m² và xây dựng 11 phòng trọ trên phần diện tích 199,2m² nên ông không đồng ý theo yêu cầu của ông Huỳnh Tấn Ph. Ông Huỳnh Thanh G yêu cầu ông Huỳnh Tấn Ph và bà Huỳnh Thị Bé H hoàn trả tiền sửa chữa căn nhà là 200.000.000 đồng và công sức gìn giữ nhà và đất là 1.000.000.000 đồng.

Trong quá trình giải quyết vụ án ngày 22/11/2017 ông Huỳnh Thanh G có đơn yêu cầu phản tố yêu cầu hủy văn bản khai nhận di sản của bà Huỳnh Thị Bé H, hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất giữa bà Huỳnh Thị Bé H với ông Huỳnh Tấn Ph, hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất giữa ông Huỳnh Tấn Ph với bà Hồng Ngọc Ng. Hủy chính trang 3 sang cho bà Hồng Ngọc Ng. Công nhận diện tích đất

diện tích 506,2m² cho ông và tài sản trên đất, không yêu cầu tiền sửa chữa nhà và công sức gìn giữ căn nhà và đất.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Trương Thị Thanh X, bà Huỳnh Thị Hương Th, ông Huỳnh Trí Đ thống nhất theo lời trình bày của ông Huỳnh Thanh G.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Huỳnh Văn T trình bày việc chuyển nhượng nhà ở và quyền sử dụng đất giữa các bên thì ông không biết sau đó khi các bên giao nhận tiền thì ông có nhận số tiền của bà Hồng Ngọc Ng là 2.000.000.000 đồng sau đó ông có giao lại cho con của ông là Huỳnh Tấn Ph toàn bộ số tiền này nên trong vụ kiện này ông không có liên quan và không có ý kiến hay yêu cầu gì.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Huỳnh Thị Thương trình bày bà là vợ của ông Huỳnh Trí Đ, trước đây bà có sống chung trong căn nhà này sau đó bà ly hôn với ông Đ và bà đã đi ở nơi khác, việc chuyển nhượng giữa các bên thì bà không biết và cũng không có liên quan gì nên bà không có yêu cầu hay ý kiến nào khác.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ủy ban nhân dân thành phố Trà V xác định việc cấp giấy cho ông Huỳnh Tấn Ph căn cứ vào hợp đồng mua bán nhà ở và chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bà Huỳnh Thị Bé H và ông Huỳnh Tấn Ph được Phòng Công chứng số 1, tỉnh Trà V công chứng vào ngày 18/4/2012 và được UBND phường 1, thành phố Trà V xác nhận về nguồn gốc sử dụng đất, nguồn gốc tạo lập tài sản và tình trạng tranh chấp về đất đai và tài sản gắn liền với đất ngày 20/4/2012. Từ cơ sở nêu trên, UBND thành phố Trà V cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Huỳnh Tấn Ph là đúng trình tự thủ tục và đúng đối tượng tại thời điểm cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Tại Bản án dân sự số 09/2023/DS-ST ngày 14/4/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Trà V quyết định:

Căn cứ vào khoản 3, khoản 9 Điều 26, Điều 34, khoản 1 Điều 37, Điều 39, Điều 147, Điều 165, Điều 273, Điều 477 và Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Áp dụng Điều 500, Điều 584 và Điều 585 Bộ luật dân sự năm 2015. Áp dụng Điều 101, Điều 166 và Điều 203 Luật Đất đai năm 2013. Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Hồng Ngọc Ng, chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của ông Huỳnh Thanh G, chấp nhận một phần yêu cầu của ông Huỳnh Tấn Ph.

Vô hiệu một phần hợp đồng mua bán nhà ở và chuyển nhượng quyền sử dụng đất ở của bà Huỳnh Thị Bé H với ông Huỳnh Tấn Ph lập ngày 18/4/2012 được công chứng tại Phòng Công chứng số 1, tỉnh Trà V.

Vô hiệu một phần hợp đồng mua bán nhà và chuyển nhượng quyền sử dụng đất của ông Huỳnh Tấn Ph với bà Hồng Ngọc Ng đối với diện tích 176m² có tài sản trên đất là nhà cho thuê của ông Huỳnh Thanh G, hợp đồng lập ngày 18/5/2012 được công chứng tại Phòng Công chứng số 1, tỉnh Trà V.

Công nhận cho bà Hồng Ngọc Ng được sử dụng diện tích 330,2 m² thửa đất số 16 tờ bản đồ số 30 và căn nhà số 10 đường Lê L, Khóm 1, Phường 1, thành phố Trà V, tỉnh Trà V.

Phần diện tích đất có tứ cận như sau:

Phía Đông giáp đường Lê L có kích thước 13,21m;

Phía Tây giáp thửa 16 có kích thước 8,66m;

Phía Nam giáp thửa 139, 141 có kích thước 6,51m; 22,58m; 7,77m;

Phía Bắc giáp thửa 16 có kích thước 30,22m.

(có sơ đồ khu đất kèm theo Công văn 631/VPĐKĐĐ-KTĐC ngày 24/10/2022)

Công nhận cho ông Huỳnh Thanh G, bà Trương Thị Thanh X, ông Huỳnh Trí Đ diện tích đất 176m² thuộc thửa số 16 tờ bản đồ số 30 và tài sản trên đất gồm nhà cho thuê có các ký hiệu G2, G3 và một phần nhà cho thuê G4, đất tọa lạc tại Khóm 1, Phường 1, thành phố Trà V, tỉnh Trà V.

Phần diện tích đất có tứ cận như sau:

Phía Đông giáp đường Lê L có kích thước 4,25m;

Phía Tây giáp thửa 17 có kích thước 11,00m;

Phía Nam giáp thửa 16 có kích thước 30,22m; 8,66m;

Phía Bắc giáp thửa 132 có kích thước 34,98m.

(có sơ đồ khu đất kèm theo Công văn 631/VPĐKĐĐ-KTĐC ngày 24/10/2022)

Buộc ông Huỳnh Thanh G, ông Huỳnh Trí Đ, bà Trương Thị Thanh X phải di dời toàn bộ tài sản và vật dụng sinh hoạt gia đình và tháo dỡ một phần nhà cho thuê G4 có diện tích là 50m² để giao lại cho bà Hồng Ngọc Ng căn nhà số 10 đường Lê L và diện tích đất là 330,2m².

Phần diện tích một phần nhà cho thuê G4 buộc tháo dỡ có tứ cận sau:

Phía Đông giáp thửa 16 có kích thước 7,44m;

Phía Tây giáp thửa 16 có kích thước 7,40m;

Phía Nam giáp thửa 16 có kích thước 6,70m;

Phía Bắc giáp thửa 16 có kích thước 6,76m.

(có sơ đồ khu đất kèm theo Công văn 148/VPĐKĐĐ-KTĐC ngày 13/3/2023).

Buộc ông Huỳnh Tấn Ph hoàn trả cho bà Hồng Ngọc Ng số tiền 1.714.715.200 đồng.

Buộc ông Huỳnh Tấn Ph hoàn trả cho ông Huỳnh Thanh G số tiền 203.325.000 đồng.

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Bà Hồng Ngọc Ng, ông Huỳnh Thanh G, bà Trương Thị Thanh X, ông Huỳnh Trí Đ có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ về tài chính và liên hệ cơ quan có thẩm quyền để điều chỉnh lại biến động hoặc cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quyết định của bản án.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về chi phí ủy thác tư pháp, thẩm định, đo vẽ, án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 28/4/2023

- Bà Ng kháng cáo yêu cầu chấp nhận toàn bộ đơn khởi kiện của bà Ng, buộc ông G, bà X, ông Đ và bà Th di dời toàn bộ tài sản trên đất giao trả căn nhà số 10 đường Lê L và diện tích 506,2m², tại khóm 1, Phường 1, thành phố Trà V, tỉnh Trà V cho bà Ng và cho lưu cư 3 tháng .

- Ông G kháng cáo yêu cầu sửa bản án sơ thẩm, bác toàn bộ đơn khởi kiện của bà Ng; hủy văn bản khai nhận di sản của bà Huỳnh Thị Bé H, xác lập tại Phòng công chứng số 1 Trà Vinh ngày 17/4/2012; hủy bỏ Hợp đồng mua bán nhà và chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bà H và ông Ph, giữa ông Ph và bà Ng đối với nhà đất trên.

- Ông Ph kháng cáo yêu cầu hủy bản án sơ thẩm, xét xử lại cho khách quan, đúng quy định.

Tại phiên tòa các đương sự vẫn giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo, các đương sự không thỏa thuận được việc giải quyết vụ án.

Người bảo vệ quyền lợi cho bà Ng trình bày: Đề nghị chấp nhận đơn kháng cáo của bà Ng công nhận hợp đồng chuyển nhượng giữa bà Ng và ông Ph, vì hai bên đã giao đủ tiền và đóng thuế sang tên nhà đất xong, yêu cầu ông G và những người ở trên đất phải giao căn nhà số 10 đường Lê L và diện tích 506,2m² cho bà Ng.

Người bảo vệ quyền lợi cho ông G trình bày: Tờ Di chúc bà B lập năm 1998 cho con là bà H vô hiệu, vì tại thời điểm lập Di chúc bà B chưa có giấy tờ về nhà đất. Theo tài liệu năm 1964 thì bà B chuyển nhượng 307m² nhưng Di chúc ghi để

lại cho bà H 506,2m² là không phù hợp thực tế. Do đó, hợp đồng công chứng là không đúng theo quy định tại Điều 409, Điều 450 Luật công chứng; nhà đất gia đình ông G đang ở nên mọi giao dịch không đúng pháp luật; ông Ph là người được cấp giấy CNQSDĐ lần đầu là 506,2m² là không đúng pháp luật. Sau khi ông Ph có giấy chứng nhận nhà đất, thì 01 ngày sau ông Ph ký hợp đồng chuyển nhượng cho bà Ng, nay bà Ng yêu cầu thực hiện là không đúng pháp luật. Tòa án cấp sơ thẩm chỉ công nhận bà B diện tích 307m², phần diện tích còn lại do ông G khai phá và mua của ông Quới, ông G đã quản lý, sử dụng qua các thời kỳ; dù không có tài liệu để chứng minh là tài sản của cha mẹ ông G, bà B để lại nhưng ông G đã ở ổn định từ đó cho đến nay, đề nghị chấp nhận đơn kháng cáo của ông G sửa bản án sơ thẩm, hủy Di chúc và các hợp đồng chuyển nhượng, bác đơn khởi kiện của bà Ng, để dành quyền khởi kiện thừa kế giữa các bên.

Người bảo vệ quyền lợi cho bà Ng trình bày: Người bảo vệ quyền lợi cho ông G cho rằng đất do ông G khai phá thêm là không có cơ sở, vì đất của bà B sang nhượng là đất trong đô thị nguyên thừa, không có đất để ông G khai phá hay sang nhượng lại của ông Quới.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh: Về thủ tục tố tụng những người tiến hành tố tụng, các đương sự tuân thủ đúng theo quy định. Về nội dung kháng cáo, bà B giao dịch 307m² và xây nhà trên đất, nên đây là tài sản của bà B; diện tích đất tăng thêm bà B K khai, đăng ký diện tích 506,2m² là không có căn cứ. Ông G đã quản lý, sử dụng nên Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên vô hiệu một phần là có cơ sở. Nay các bên kháng cáo không cung cấp được chứng cứ nên bác đơn kháng cáo của các đương sự, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

- Đơn kháng cáo của bà Hồng Ngọc Ng, ông Huỳnh Thanh G, ông Huỳnh Tấn Ph đúng theo quy định của pháp luật, hợp lệ nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

- Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Tòa án nhận định:

[1]. Theo tài liệu “Văn tự bán đứt bất động sản thổ cư” ngày 24/12/1963 thì ông Thạch Chơn và bà Lâm Thị Hoa đồng ý bán đứt bất động sản thổ cư 0,03.07 mẫu cho bà Huỳnh Thị B với giá 35.000 đồng (BL: 345, 346); Tờ trích lục địa bộ ngày 02/01/1964 vợ chồng ông Thạch Chơn và bà Lâm Thị Hoa bán đứt cho bà Huỳnh Thị B độc thân diện tích 0^H.03.07 với giá là 35.000 đồng theo văn tự lập ngày 24/12/1963 (BL: 332). Giấy phép sửa chữa nhà phố số 1367/HCTQ-1 ngày 18/6/1964 của tỉnh trưởng Vĩnh Bình cho phép bà Huỳnh Thị B coi lầu ngôi nhà trệt đã được phép xây cất trên lô đất số 80, tờ 1, đường Lê L theo họa đồ dính hậu (BL: 240, 336); nên có căn cứ nhà đất trên lô đất số 80, tờ 1, đường Lê L được sang nhượng và sửa chữa thêm từ 1964, thuộc quyền sở hữu và sử dụng của bà Huỳnh Thị B. Do đó, ông G kháng cáo cho rằng nhà đất trên thuộc quyền sở hữu và sử dụng của cha mẹ là cụ Huỳnh Chuối K và cụ Nguyễn Thị Nghiêm chết để

lại là không có cơ sở.

[2]. Ông Huỳnh Thanh G cho rằng năm 1973, ông Huỳnh Thanh G nhận chuyển nhượng của ông Lê Văn Quới diện tích $66m^2$ và khai phá thêm phần đất sau nhà tổng diện tích $199,2m^2$ nhưng hai bên không có giấy tờ chuyển nhượng, đến khi có tranh chấp ông Lê Văn Quới mới có giấy tay xác nhận và qua các thời kỳ ông Huỳnh Thanh G không K khai, đăng ký đất và cũng không có tài sản trên đất; người đại diện hợp pháp của ông Huỳnh Thanh G xác nhận năm 2008, sau khi bà Huỳnh Thị B (chết năm 2005) thì ông Huỳnh Thanh G mới xây nhà trên diện tích đất còn lại của lô 80, tờ 1, đường Lê L để cho thuê. Mặt khác, theo tài liệu “Văn tự bán đứt bất động sản thổ cư” ngày 24/12/1963 thì lô đất của ông Thạch Chơn và bà Lâm Thị Hoa chuyển nhượng cho bà Huỳnh Thị B có diện tích là 0 mẫu 03.07 thổ cư; số địa bộ cũ 326, mới 80; số họa đồ 80, tờ 1; tứ cận Bắc giáp lô 79, Nam giáp lô 81, Đông giáp đường Lê L, Tây giáp lô 77 (BL: 345), nay tứ cận là Bắc giáp thửa 739, Nam giáp thửa 741, Đông giáp đường Lê L, Tây giáp thửa 742 (BL: 312). Vì vậy, thửa đất bà Huỳnh Thị B nhận chuyển nhượng năm 1963 tại lô 80 nay là thửa 740, phía Bắc giáp lô 79 nay là thửa 739, phía tây giáp lô 77 nay là thửa 742, không còn (lô) thửa đất nào khác ở hướng Bắc và hướng Tây để ông Huỳnh Thanh G nhận chuyển nhượng hay khai hoang thêm nên chưa đủ cơ sở để xác định diện tích $199,2m^2$ nằm trong khuôn viên của lô 80, nay qua các thời kỳ thay đổi là thửa 740; là thửa 503 và thửa 16 tại đường Lê L thuộc quyền sử dụng của ông Huỳnh Thanh G.

[3]. Theo Biên bản thẩm định tại chỗ ngày 10/10/2022 và Công văn số 631/VPĐKĐĐ ngày 24/10/2022 của Văn phòng đăng ký đất đai thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Trà V, Tòa án cấp sơ thẩm xác định phần tầng trên căn nhà số 10 đường Lê L (do bà Huỳnh Thị B sửa chữa, xây dựng thêm từ năm 1964), có ban công chiếu theo phương thẳng đứng xuống phần đất diện tích đất là $330m^2$; như vậy, tại thời điểm năm 1964 bà Huỳnh Thị B đã sử dụng diện tích đất thực tế lớn hơn diện tích 0 mẫu 03.07 (là $307m^2$) “Văn tự bán đứt bất động sản thổ cư” năm 1963 mà bà Huỳnh Thị B nhận sang nhượng của ông Thạch Chơn và bà Lâm Thị Hoa. Tư liệu năm 1983, bà Huỳnh Thị B đăng ký, K khai trong Sổ mục K thửa 740, tờ bản đồ số 13, diện tích $550m^2$; tư liệu năm 1991, bà Huỳnh Thị B đăng ký, K khai trong Sổ mục K thửa 503, tờ bản đồ số 13C, diện tích $484m^2$ loại đất thổ quả TQ; tư liệu năm 1998 bà Huỳnh Thị B đăng ký trong Sổ địa chính thửa số 16, tờ bản đồ số 30, diện tích $506,9m^2$ (BL: 317). Do đó, có đủ căn cứ xác định căn nhà số 10 đường Lê L, trên diện tích đất $506,9m^2$ là di sản của bà Huỳnh Thị B chết để lại.

[4]. Ngày 19/01/1999, bà Huỳnh Thị B lập Di chúc để lại đất và nhà ở số 10 đường Lê L, khóm 1, phường 1, thành phố Trà V, tỉnh Trà V cho con nuôi là Huỳnh Thị Bé H, được UBND phường 1, thành phố Trà V xác nhận cùng ngày; nội dung Di chúc thể hiện “Tôi tên Huỳnh Thị B ngụ tại căn nhà số 10 đường Lê L, phường 1, thị xã Trà Vinh. Tài sản tôi là căn nhà nói trên của tôi đứng tên giấy mua nhà đất và giấy phép cất nhà vào năm 1964, tôi để lại cho Huỳnh Thị Bé H” (BL: 204). Ngày 17/4/2012 bà Huỳnh Thị Bé H làm Văn bản khai nhận thừa kế căn nhà số 10 đường Lê L và diện tích $506,2m^2$, tại Phòng công chứng số 1, tỉnh

Trà V là phù hợp với nhà đất bà Huỳnh Thị B chết để lại (BL: 205 -207); theo quy định tại tiêu mục 1.2 phần II Nghị quyết số 02/2004/NQ-HĐTP ngày 10/8/2004 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, thì: “1.2 Đối với quyền sử dụng đất do người chết để lại mà người đó có một trong các loại giấy tờ được quy định tại khoản 1, 2 và 5 Điều 50 Luật đất đai năm 2003, thì kể từ ngày 01/7/2004 quyền sử dụng đất đó cũng là di sản, không phụ thuộc vào thời điểm mở thừa kế”. Đối chiếu với quy định trên thì căn nhà và diện tích 506,2m², tại số 10 đường Lê L là di sản do bà Huỳnh Thị B đã lập Di chúc vào năm 1998, để lại cho con bà Huỳnh Thị Bé H là phù hợp với quy định của pháp luật. Do đó, người bảo vệ quyền lợi cho ông Huỳnh Thanh G cho rằng tại thời điểm lập Di chúc, bà Huỳnh Thị B chưa có giấy tờ về nhà đất nên vô hiệu là không có cơ sở.

[5]. Ngày 18/4/2012 bà Huỳnh Thị Bé H ký hợp đồng bán nhà ở số 10 đường Lê L và chuyển nhượng quyền sử dụng đất ở diện tích 506,2m² cho ông Huỳnh Tấn Ph được Phòng công chứng số 1 chứng nhận (BL: 341 - 344); lẽ ra bà Huỳnh Thị Bé H phải làm thủ tục đứng tên quyền sở hữu nhà và quyền sử dụng đất rồi mới chuyển nhượng cho ông Huỳnh Tấn Ph, nhưng tại thời điểm năm 2012, bà Huỳnh Thị Bé H là người nước ngoài, quốc tịch Đ, theo quy định tại khoản 2 Điều 9 Luật nhà ở năm 2005 sửa đổi, bổ sung năm 2009 thì bà Huỳnh Thị Bé H không thuộc đối tượng được sở hữu nhà ở tại Việt Nam. Vì vậy, bà Huỳnh Thị Bé H làm thủ tục nhận di sản thừa kế và chuyển nhượng nhà đất ở cho ông Huỳnh Tấn Ph là phù hợp. Đến ngày 17/5/2012 UBND thị xã Trà Vinh cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở đối với thửa đất số 16, tờ bản đồ số 30, diện tích 506,2m² đứng tên ông Huỳnh Tấn Ph (BL: 200). Ngày 18/5/2012 ông Huỳnh Tấn Ph ký hợp đồng chuyển nhượng lại căn nhà số 10 đường Lê L, thửa đất số 16, tờ bản đồ số 30, diện tích 506,2m², tại khóm 1, phường 1, thị xã Trà Vinh, tỉnh Trà V cho bà Hồng Ngọc Ng với giá 3.500.000.000 đồng (BL: 301 - 304) và ngày 28/5/2012 chỉnh lý biến động đứng tên bà Hồng Ngọc Ng (BL: 201). Nhà đất hiện ông Huỳnh Thanh G, bà Trương Thị Thanh X, ông Huỳnh Trí Đ đang quản lý dùng để ở và cho thuê nên các bên chưa giao nhận nhà đất.

[6]. Quá trình quản lý, sử dụng nhà đất: Năm 1963 bà Huỳnh Thị B sang nhượng nhà đất tại số 10 đường Lê L; đến năm 1964 bà Huỳnh Thị B sửa chữa lại căn nhà số 10 đường Lê L, đến năm 1967 ông Huỳnh Thanh G cưới vợ về sống chung trong căn nhà này cùng với bà Huỳnh Thị B và đến ngày 25/4/2005 bà Huỳnh Thị B chết (BL: 331). Sau khi bà Huỳnh Thị B chết, ông Huỳnh Thanh G là người quản lý nhà đất số 10 Lê L nên có công sức quản lý, gìn giữ và sửa chữa nhà; khi làm thủ tục hưởng di sản thừa kế nhà đất bà Huỳnh Thị Bé H phải có nghĩa vụ trả tiền sửa chữa nhà, giải quyết công sức, gìn giữ nhà đất cho ông Huỳnh Thanh G nhưng Tòa án cấp sơ thẩm lại buộc ông Huỳnh Tấn Ph là người nhận chuyển nhượng nhà đất của bà Huỳnh Thị Bé H phải trả cho ông Huỳnh Thanh G là chưa đúng quy định của pháp luật. Bà Huỳnh Thị Bé H chuyển nhượng nhà đất cho ông Huỳnh Tấn Ph với giá 3 T đồng; năm 2008, ông Huỳnh Thanh G xây dựng nhà cho con là Huỳnh Trí Đ ở và 10 phòng trọ trong khuôn viên đất còn lại

để cho thuê, nên trong thời gian quản lý nhà đất ông Huỳnh Thanh G đã khai thác, thu lợi nhuận trên đất; nên buộc bà Huỳnh Thị Bé H phải trả công sức, gìn giữ, sửa chữa nhà đất cho ông Huỳnh Thanh G 500.000.000 đồng là phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 24, khoản 1 và khoản 2 Điều 25 Nghị quyết 1037/2006/NQ-UBTVQH11 ngày 27/7/2006 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội và Án lệ số 05/2016/AL ngày 06/4/2016 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

[7]. Bà Huỳnh Thị Bé H chuyển nhượng nhà đất cho ông Huỳnh Tấn Ph từ năm 2012, hai bên đã giao nhận giấy tờ nhà đất và tiền cho nhau; đến năm 2017 ông Huỳnh Tấn Ph làm thủ tục đứng tên nhà đất và đã chuyển nhượng nhà đất cho bà Hồng Ngọc Ng, hai bên đã giao nhận 3,1 T đồng và làm thủ tục điều chỉnh nhà đất đứng tên bà Hồng Ngọc Ng. Tại phiên tòa phúc thẩm người đại diện hợp pháp của bà Hồng Ngọc Ng tự nguyện hỗ trợ cho ông Huỳnh Thanh G 500.000.000 đồng và bồi thường giá trị nhà, công trình xây dựng thêm trên đất của ông Huỳnh Thanh G 252.984.600 đồng; tổng cộng là 752.984.600 đồng để ông Huỳnh Thanh G góp thêm tiền tìm một nơi ở mới tại địa phương là phù hợp nên ghi nhận. Do đó, buộc ông Huỳnh Thanh G, bà Trương Thị Thanh X, ông Huỳnh Trí Đ và những người ở trên nhà đất tháo dỡ nhà và công trình trên đất tại vị trí A, A1, B1 để giao trả toàn bộ căn nhà số 10 đường Lê L, trên diện tích 506,2m², tại khóm 1, phường 1, thị xã Trà Vinh, tỉnh Trà V cho bà Hồng Ngọc Ng. Thời hạn cho gia đình ông Huỳnh Thanh G lưu cư 6 tháng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật là phù hợp.

[8]. Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy ông Huỳnh Thanh G yêu cầu hủy hợp đồng chuyển nhượng nhà đất giữa bà Huỳnh Thị Bé H và ông Huỳnh Tấn Ph; giữa ông Huỳnh Tấn Ph với bà Hồng Ngọc Ng và yêu cầu hủy Di chúc của bà Huỳnh Thị B, hủy Văn bản khai nhận thừa kế của bà Huỳnh Thị Bé H, hủy giấy chứng nhận nhà đất đứng tên ông Huỳnh Tấn Ph và chỉnh lý sang tên bà Hồng Ngọc Ng là không có cơ sở nên không được chấp nhận. Tại cấp phúc thẩm ông Huỳnh Thanh G là người kháng cáo nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ mới để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo; lời trình bày của người đại diện và người bảo vệ quyền lợi cho ông Huỳnh Thanh G là không có cơ sở nên không được chấp nhận; ông Huỳnh Tấn Ph kháng cáo yêu cầu hủy bản án sơ thẩm nhưng không xác định được cấp sơ thẩm vi phạm Điều 310 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nên chỉ chấp nhận một phần đơn kháng cáo của ông Huỳnh Tấn Ph; chấp nhận đơn kháng cáo của bà Hồng Ngọc Ng, sửa một phần bản án sơ thẩm. Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh không phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, nên không được chấp nhận. Ông Huỳnh Thanh G kháng cáo không được chấp nhận nên phải chịu án phí phúc thẩm, nhưng do ông Huỳnh Thanh G là người cao tuổi nên được miễn án phí dân sự sơ thẩm và phúc thẩm theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc

hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật; các tranh chấp có liên quan hợp đồng chuyển nhượng nhà đất giữa bà H và ông Ph; giữa ông Ph và bà Ng sẽ được giải quyết bằng một vụ án khác theo quy định của pháp luật khi có yêu cầu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

I. Không chấp nhận đơn kháng cáo của ông Huỳnh Thanh G; chấp nhận một phần đơn kháng cáo của ông Huỳnh Tấn Ph; chấp nhận đơn kháng cáo của bà Hồng Ngọc Ng; sửa một phần Bản án dân sự số 09/2023/DS-ST ngày 14 tháng 4 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Trà V như sau:

Căn cứ khoản 3 và khoản 9 Điều 26, Điều 34, điểm a khoản 1 Điều 37, Điều 39, Điều 153, Điều 157, Điều 165, Điều 273, Điều 477 và Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Căn cứ Điều 500, Điều 503, Điều 624, Điều 630 Bộ luật dân sự năm 2015. Căn cứ Điều 101, Điều 166 và Điều 203 Luật Đất đai năm 2013. Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Hồng Ngọc Ng; chấp nhận yêu cầu độc lập của ông Huỳnh Tấn Ph;

1.1. Công nhận Hợp đồng mua bán nhà ở và chuyển nhượng quyền sử dụng đất ở của bà Huỳnh Thị Bé H với ông Huỳnh Tấn Ph lập ngày 18/4/2012 được công chứng tại Phòng Công chứng số 1, tỉnh Trà V.

Công nhận Hợp đồng mua bán nhà và chuyển nhượng quyền sử dụng đất của ông Huỳnh Tấn Ph với bà Hồng Ngọc Ng lập ngày 18/5/2012 được công chứng tại Phòng Công chứng số 1, tỉnh Trà V.

Công nhận bà Hồng Ngọc Ng được sở hữu căn nhà số 10 đường Lê L, sử dụng diện tích 506,2m², thửa đất số 16, tờ bản đồ số 30, tại đường Lê L, Khóm 1, Phường 1, thành phố Trà V, tỉnh Trà V.

1.2. Ghi nhận bà Hồng Ngọc Ng tự nguyện hỗ trợ cho ông Huỳnh Thanh G 500.000.000 đồng và bồi thường giá trị nhà, công trình xây dựng thêm cho ông Huỳnh Thanh G 252.984.600 đồng; tổng cộng là 752.984.600 đồng.

1.3. Buộc ông Huỳnh Thanh G, bà Trương Thị Thanh X, ông Huỳnh Trí Đ và những người ở trên nhà đất tháo dỡ nhà và công trình trên đất tại vị trí A, A1, B1 để giao trả toàn bộ căn nhà số 10 đường Lê L, trên diện tích 506,2m², tại Khóm

1, Phường 1, thị xã Trà Vinh (nay là thành phố Trà V), tỉnh Trà V cho bà Hồng Ngọc Ng trong thời hạn 6 tháng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

(có sơ đồ khu đất kèm theo Công văn 148/VPĐKĐĐ-KTĐC ngày 13/3/2023)

2. Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của ông Huỳnh Thanh G:

2.1. Không chấp nhận yêu cầu của ông Huỳnh Thanh G: Hủy Văn bản khai nhận di sản của bà Huỳnh Thị Bé H; Hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất giữa bà Huỳnh Thị Bé H với ông Huỳnh Tấn Ph; Hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất giữa ông Huỳnh Tấn Ph với bà Hồng Ngọc Ng; Hủy chỉnh trang 3 sang tên cho bà Hồng Ngọc Ng; Công nhận diện tích đất 506,2m² và căn nhà số 10 đường Lê L, khóm 1, phường 1, thị xã Trà Vinh (nay là thành phố Trà V), tỉnh Trà V cho ông Huỳnh Thanh G.

2.2. Chấp nhận yêu cầu của ông Huỳnh Thanh G: Buộc bà Huỳnh Thị Bé H có nghĩa vụ hoàn trả công sức gìn giữ, sửa chữa nhà đất tại số 10 đường Lê L, khóm 1, phường 1, thị xã Trà Vinh, tỉnh Trà V cho ông Huỳnh Thanh G 500.000.000 đồng.

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng trên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí và chi phí tố tụng:

2.1. Về án phí:

Bà Hồng Ngọc Ng không phải chịu; hoàn trả lại cho bà Hồng Ngọc Ng 56.109.600 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo Biên lai số 0010051 ngày 05/01/2015 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Trà V.

Ông Huỳnh Thanh G được miễn án phí dân sự sơ thẩm; hoàn trả lại cho ông Huỳnh Thanh G 300.000 đồng theo Biên lai số 0014177 ngày 30/11/2017 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Trà V.

2.2. Chi phí thẩm định, định giá tài sản: đã chi là 6.120.000 đồng, buộc các đương sự bà Hồng Ngọc Ng, ông Huỳnh Tấn Ph, ông Huỳnh Thanh G mỗi người phải chịu 2.040.000 đồng. Bà Hồng Ngọc Ng nộp tạm ứng chi phí thẩm định là 5.000.000 đồng, sau khi khấu trừ chi phí bà Ng phải chịu là 2.040.000 đồng nên bà Ng được nhận lại số tiền 2.960.000 đồng tại Văn phòng Tòa án tỉnh Trà V, ông Huỳnh Tấn Ph nộp tạm ứng chi phí thẩm định là 8.000.000 đồng sau khi khấu trừ chi phí ông Huỳnh Tấn Ph phải chịu là 2.040.000 đồng nên ông Ph được nhận lại số tiền đồng tại Văn phòng Tòa án tỉnh Trà V 5.960.000 đồng, ông Huỳnh Thanh G nộp tạm ứng chi phí thẩm định là 5.000.000 đồng, sau khi khấu trừ chi phí ông G phải chịu là 2.040.000 đồng nên ông G được nhận lại số tiền 2.960.000 đồng tại Văn phòng Tòa án tỉnh Trà V.

2.3. Về chi phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài: Ông Huỳnh Tấn Ph và bà Hồng Ngọc Ng phải chịu chi phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài, ông Huỳnh Tấn Ph đã nộp 150.000 đồng theo Biên lai số 0012455 ngày 07 tháng 9 năm 2015 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Trà V; bà Hồng Ngọc Ng đã nộp 200.000 theo Biên lai số 0018195 ngày 13/9/2018 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Trà V, các đương sự đã nộp xong.

II. Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Hồng Ngọc Ng không phải chịu.

Ông Huỳnh Tấn Ph không phải chịu, hoàn trả lại ông Ph 300.000 đồng đã nộp theo Biên lai thu số 0016820 ngày 28/4/2023 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Trà V.

Ông Huỳnh Thanh G được miễn

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

III. Bản án có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TANDTC;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- TAND tỉnh Trà V;
- VKSND tỉnh Trà V;
- Cục THADS tỉnh Trà V;
- Đương sự.
- Lưu VP, HS, NTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Văn Ý

